

Số: 2321 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (công trình thực hiện năm 2024 - 2025)”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Văn bản số 1972/CHHĐTVN-KHCNMT ngày 03 tháng 6 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (công trình thực hiện năm 2024 - 2025)” (sau đây viết tắt là Dự án) thực hiện tại huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải và huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây viết tắt là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06

tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Sở NN&MT tỉnh Trà Vinh;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Lưu: VT, VPMC, MT.VH.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “NẠO VẾT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CHO TÀU BIỂN TRỌNG TẢI LỚN VÀO SÔNG HẬU (CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2024-2025)”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (công trình thực hiện năm 2024 - 2025).

- Địa điểm thực hiện Dự án: huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải và huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Chủ dự án: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

- Mục tiêu của Dự án là nạo vét duy tu dọc tuyến luồng hàng hải dài khoảng 52,6 km (điểm đầu tại Phao báo hiệu số “0” đến Phao báo hiệu số “64” khu vực giao với Luồng hàng hải Định An – Cần Thơ) để đảm bảo duy trì độ sâu luồng tàu, phục vụ các phương tiện thủy ra vào an toàn, hiệu quả. Dự án nằm trong Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, hạ tầng giao thông đường thủy năm 2025 của Bộ Xây dựng; được phê duyệt tại Quyết định số 1614/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng).

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích các khu vực nạo vét khoảng 148 ha tại 07 đoạn luồng bao gồm: đoạn 1 (đoạn luồng biển); đoạn 2 (đoạn luồng kênh Tắt); đoạn 3A (đoạn luồng kênh Quan Chánh Bô từ kênh Tắt đến trụ tiêu số “39”); đoạn 3B (đoạn luồng kênh Quan Chánh Bô từ trụ tiêu số “39” tới trụ tiêu số “41”); đoạn 3C (đoạn luồng kênh Quan Chánh Bô từ trụ tiêu số “41” đến phà Láng Sắt); đoạn 3D: đoạn luồng kênh Quan Chánh Bô từ phà Láng Sắt đến Sông Hậu; đoạn 4 (đoạn luồng sông Hậu).

- Tổng khối lượng nạo vét duy tu theo tính toán khoảng: 2.282.517 m³. Chuẩn tắc thiết kế của tuyến luồng như sau: cao độ đáy luồng H = -6,5 m (Hệ Hải đồ), bề rộng đáy luồng B = 70 m, mái dốc nạo vét m = 4 ÷ 6 m. Toàn bộ vật, chất nạo vét sẽ được nhận chìm ở biển. Thời gian thi công: khoảng 94 ngày kể từ thời điểm bắt đầu nạo vét.

- Khu vực nhận chìm có diện tích khoảng 93,5 ha, nằm trong khu vực được quy hoạch làm vị trí nhận chìm cho công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải sông Hậu hàng năm và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chấp thuận tại các văn bản số 5251/UBND-NN ngày 15 tháng 10 năm 2024 và số 1314/UBND-NN ngày 13 tháng 03 năm 2025, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ khép góc như sau:

Bảng 1. Tọa độ không chế khu vực nhận chìm

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực (KTT) 105°30', múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1043942,569	623132,911
2	1044484,518	622444,626
3	1045264,020	623159,115
4	1044756,556	623865,618

1.3. Công nghệ thi công

- Thực hiện nạo vét bằng máy đào gầu dây và tàu hút tự hành tại các vị trí cần nạo vét, đảm bảo chuẩn tắc trên tuyến luồng; vận chuyển vật, chất nạo vét đến vị trí nhận chìm bằng xà lan và nhận chìm bằng hình thức xả đáy (sử dụng tàu hút bụng và xà lan xả đáy). Thi công theo hình thức cuốn chiếu từng đoạn, thứ tự bắt đầu từ các đoạn luồng trên kênh Quan Chánh Bó, đoạn luồng sông Hậu, đoạn luồng biển và đoạn luồng kênh Tắt. Nạo vét từng bên của tuyến luồng nhằm bảo đảm không cản trở hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông thủy.

- Phương tiện sử dụng bao gồm:

- + 04 tàu hút bụng tự hành công suất từ 1.200CV đến 1.390CV;
- + 02 tàu hút bụng tự hành công suất từ lớn từ 1.390CV đến 6.500CV;
- + 22 máy đào gầu dây công suất 60 m³/giờ;
- + 22 xà lan xả đáy phục vụ vận chuyển vật, chất nạo vét trọng tải từ 400T đến 3.500T;

+ 25 phương tiện dự phòng nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án, luôn sẵn sàng thay thế khi cần thiết (Chủ dự án báo cáo và xin chấp thuận từ cơ quan có thẩm quyền khi có sự cố xảy ra để được phép vận hành các thiết bị này).

1.4. Phạm vi

- Các hoạt động của Dự án được đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- + Hoạt động tập kết thiết bị phục vụ thi công.
- + Hoạt động nạo vét trên tuyến luồng như tại Mục 1.2 nêu trên.
- + Hoạt động vận chuyển vật, chất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến khu vực nhận chìm.
- + Hoạt động nhận chìm vật, chất nạo vét.

- Dự án không có hạng mục công trình phụ trợ; không thiết lập âu chứa tạm vật, chất nạo vét; không bố trí bãi chứa tạm thời vật chất nạo vét và không bố trí lán trại, công trường thi công.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động nạo vét và nhận chìm vật chất nạo vét ở biển làm gia tăng độ đục và lan truyền TSS, tác động tới hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản và chất lượng nước biển.

- Hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công; hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm và vận chuyển phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí.

- Hoạt động của công nhân trên các phương tiện thi công....

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị:

Giai đoạn chuẩn bị ngắn, hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công không phát sinh nước thải.

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng 0,2 – 0,28 m³/ngày.đêm/phương tiện thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, COD, Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms.

+ Nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển vật, chất nạo vét. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị:

Hoạt động tập kết các phương tiện thi công phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Giai đoạn thi công:

Hoạt động của các phương tiện nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo đi nhận chìm phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải rắn.

- Giai đoạn thi công:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của các công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 1,2 – 1,7 kg/ngày/phương tiện thi công. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, vỏ chai lọ, giấy báo, túi ni lông,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải nguy hại.
- Giai đoạn thi công:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị, vệ sinh máy móc với khối lượng khoảng 0,2 – 0,75 kg giẻ lau dính dầu/phương tiện thi công.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn chuẩn bị:

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động tập kết, vận hành thử phương tiện, thiết bị thi công tác động tới các tàu, bè lưu thông trên tuyến luồng.

- Giai đoạn thi công:

Tiếng ồn từ quá trình nạo vét, vận chuyển, nhận chìm của các phương tiện, thiết bị tham gia thi công tác động tới các tàu, bè lưu thông trên tuyến luồng.

3.4. Các tác động khác

- Suy giảm chất lượng nước, gia tăng độ đục cục bộ tại các vị trí nạo vét của tuyến luồng và khu vực nhận chìm, tác động tới đời sống của các sinh vật trong khu vực và hoạt động lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản của người dân địa phương tại một số vị trí trên tuyến luồng (tại các điểm giao nhau giữa kênh Quan Chánh Bó và sông Đường Cống, sông Cây Xoài xã Ngũ Nhạc; kênh La Bang xã Đôn Châu; rạch Bàu Xấu, sông Khoen xã Đôn Xuân; kênh ấp Vũng Tàu, kênh ấp Giồng Bàn, kênh Xẻo Bọng xã Long Vĩnh huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

- Rủi ro xói lở, bồi lắng tại 02 bên bờ khu vực nạo vét do hoạt động nạo vét trên tuyến luồng.

- Sự cố môi trường do cháy, nổ, tràn dầu, tai nạn giao thông thủy, chìm tàu thuyền, thiết bị,... và từ việc vận hành các phương tiện tham gia thi công, thay dầu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: sử dụng các phương tiện thi công có trang bị nhà vệ sinh, kết cấu để chứa nước thải sinh hoạt (dung tích theo thiết kế của nhà sản xuất, tùy thuộc vào công suất của phương tiện). Định kỳ, các phương tiện thi công sẽ cập bờ, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ nước thải từ các thiết bị và vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển vật, chất nạo vét: thường xuyên kiểm tra các đường ống hút bùn, cát, đề phòng hư hỏng gây rò rỉ, rơi vãi bùn cát; các tàu hút, tàu xả đáy không được chứa quá đầy vật chất nạo vét (không quá 90% thể tích khoang) để tránh nước ô nhiễm rò rỉ vào tuyến luồng, làm đục nguồn nước.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng đúng chủng loại, công suất, số lượng phương tiện và thiết bị trong thi công sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị cho công nhân các thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay và các thiết bị an toàn cá nhân khác).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy để thu gom, phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt trên mỗi phương tiện tham gia thi công. Quy định công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa chất thải rắn trên phương tiện, không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt trên phương tiện trong thời gian thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, đảm bảo lưu giữ an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn theo quy định trên từng phương tiện thủy tham gia thi công.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý theo quy định khi các phương tiện thi công cập bờ.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Thi công theo từng khu vực; không thi công vào ban đêm từ 22 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau.

- Chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án như đã đề xuất trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu sự lan truyền vật, chất nạo vét; giảm thiểu tác động tiêu cực tới chất lượng nước sông, nước biển

- Sử dụng tàu đào gầu dây có đáy gầu kín để tránh thất thoát bùn cát làm tăng độ đục, đồng thời chỉ sử dụng tàu đào gầu dây tại các vị trí có độ sâu nhỏ mà thiết bị tàu hút lớn không thi công được. Chỉ thi công nạo vét vào ban ngày và sẽ dừng thi công vào ngày có mưa gió lớn.

- Các phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét phải bảo đảm có ngăn chứa kín, chuyên chở đúng tải trọng cho phép để hạn chế tình trạng rơi vãi vật, chất nạo vét; không đổ thải trên tuyến đường di chuyển; bố trí thời gian vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét hợp lý để tránh các va chạm gây tai nạn trên đường hàng hải; không xả nước la canh, không thải rác thải sinh hoạt trên tuyến vận chuyển.

- Thi công nhanh chóng và gọn, thực hiện đúng tiến độ.

- Thực hiện việc giám sát vị trí, hành trình, khối lượng đối với các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm; lắp đặt thiết bị AIS (thiết bị tự động nhận dạng), camera và máy ảnh trên các tàu, sà lan để giám sát trực tiếp hành trình vận chuyển và định vị chính xác vị trí nhận chìm, đảm bảo kiểm soát việc nhận chìm đúng vị trí. Giám sát liên tục đối với từng chuyến tàu nhận chìm vật, chất nạo vét. Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ giám sát hành trình tàu nhận chìm thông qua thiết bị tự động nhận dạng.

- Tiến hành kiểm tra độ sâu đáy luồng, thu dọn công trường, di chuyển các thiết bị thi công nạo vét, các phao tín hiệu, biển báo tạm, các chướng ngại vật (nếu có) phát sinh trong quá trình thi công.

- Chỉ thực hiện nhận chìm vào thời điểm có điều kiện thời tiết phù hợp, không tiến hành vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét vào những ngày biến động và có mưa bão lớn.

- Thực hiện quá trình nhận chìm ở biển theo đúng vị trí quy định. Nhằm đảm bảo lớp vật liệu được trải đều trên toàn bộ diện tích được cấp phép, tiến hành nhận chìm lần lượt theo 04 ô lưới tại khu vực nhận chìm (23,4 ha/ô lưới).

- Khi xả vật, chất nạo vét xuống khu vực biển phải xác định đúng vị trí, tốc độ mở cửa xả hợp lý để giảm phát tán chất lơ lửng. Thực hiện xả đáy nhận chìm vật, chất nạo vét theo từng lớp, tránh hiện tượng tạo địa hình lồi lõm cho đáy biển. Sau khi hết thời gian nhận chìm chất nạo vét, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường của Dự án tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (Nghị định số 57/2024/NĐ-CP).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện nghiêm chỉnh việc nhận chìm ở biển theo đúng quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo và các quy định khác có liên quan; Áp dụng biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, vận chuyển, nhận chìm, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá vật, chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm vật, chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam (Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT) và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT (Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT).

4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tràn dầu, rò rỉ dầu vào môi trường nước sông, nước biển

- Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi.

- Các phương tiện nạo vét, vận chuyển được trang bị vật liệu thấm dầu: giẻ lau, thùng chứa... để thu gom dầu rơi vãi. Không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống sông, biển.

- Không dùng nước để dội rửa phương tiện nạo vét, vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi, dùng giẻ lau chùi và thấm hút dầu mỡ, sau đó thu gom giẻ dính dầu mỡ vào thùng đựng chất thải nguy hại.

- Thực hiện các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu nhớt.

- Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) và ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ tập huấn cho công nhân về công tác PCCC và ứng phó sự cố tràn dầu.

- Sử dụng phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; bố trí gờ vây gom dầu cho kết chứa, máy, thiết bị, khu vực thay dầu bảo dưỡng,...có sử dụng/phát sinh dầu.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

4.4.3. Phòng ngừa ứng phó sự cố bồi lắng, xói lở đường bờ

- Tổ chức thi công theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định. Nạo vét đúng cao độ, độ dốc, chiều rộng đáy luồng theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quản lý giám sát chặt chẽ phạm vi nạo vét, khống chế độ sâu khai thác bằng máy đo độ sâu cầm tay.

- Tuân thủ kế hoạch, thứ tự nạo vét cũng như kiểm tra, giám sát đúng theo thiết kế công trình được duyệt như phạm vi nạo vét $B = 70$ m, đảm bảo an toàn đường bờ, khu vực nạo vét không vượt biên luồng, cao độ, mái dốc, khối lượng nạo vét.... Thực hiện theo dõi, giám sát diễn biến đường bờ trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và có phương án xử lý kịp thời. Trường hợp phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra xói, lở đường bờ tại khu vực thi công phải tạm dừng ngay hoạt động nạo vét tại khu vực có liên quan, đồng thời báo cáo chính quyền địa phương, cơ quan chức năng và các bên liên quan để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động và phương án xử lý, khắc phục sự cố; trong trường hợp cần thiết, điều chỉnh phương án và các thông số nạo vét phù hợp để đảm bảo giảm thiểu tác động tới đường bờ, kè, cảnh quan và môi trường.

- Không nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét vào ban đêm; không nạo vét tại các khu vực có dấu hiệu bị sạt lở, khu vực bờ sông không ổn định, có nguy cơ sạt lở theo hướng dẫn của địa phương.

4.4.4. Giảm thiểu tác động đến hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản của người dân

- Thông báo đến chính quyền địa phương về thông tin Dự án cũng như kế hoạch thi công của Dự án; kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thống nhất thời gian lấy nước của người dân địa phương. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân trong suốt quá trình thi công để kịp thời có biện pháp điều chỉnh.

- Thi công nhanh, đúng tiến độ, đảm bảo không gây tác động kéo dài tới hoạt động lấy nước của người dân.

- Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra chất lượng nước tại các vị trí lấy nước của người dân để dự báo các tác động trong quá trình thi công tới hoạt động lấy nước nuôi trồng thủy sản của cộng đồng dân cư địa phương, điều chỉnh hoạt động nạo vét khi cần thiết.

4.4.5. Giảm thiểu rủi ro dẫn tới các sự cố môi trường khác

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông thủy: thực hiện cắm phao báo hiệu khu vực thi công, nhận chìm; phân luồng tuyến đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền ra vào tuyến luồng. Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn giao thông trong điều tiết phương tiện thi công, phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ trong hoạt động điều tiết giao thông; tuân thủ quy tắc báo hiệu Hàng hải Việt Nam, quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định.

- Không gây mất an toàn cho các phương tiện thủy trong khu vực và thông

báo cho các cơ quan liên quan khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra để có kế hoạch ứng phó, khắc phục kịp thời.

- Các phương tiện liên quan đến việc nạo vét và vận chuyển vật, chất nạo vét được bố trí đèn tín hiệu khi neo và khi di chuyển trên hành trình đến vị trí nhận chìm ở biển để không gây cản trở các phương tiện lưu thông trên luồng hàng hải ra vào cảng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên trong suốt thời gian thi công.

b) Giám sát chất lượng trầm tích

- Vị trí: 01 vị trí. Vị trí giám sát như tại Bảng 2:

Bảng 2. Bảng tọa độ vị trí giám sát chất lượng trầm tích

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
TT	1062827,681	586041,376	Tại khu vực nạo vét đoạn kênh Quan Chánh Bó

- Tần suất: thực hiện lấy mẫu 1 lần khi bắt đầu thi công.

- Số lượng: 01 mẫu/vị trí/lần quan trắc;

- Thông số giám sát: Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Thủy ngân (Hg), Tổng Crôm (Cr), Đồng (Cu), Tổng Polyclobiphenyl (PCB), Thuốc trừ sâu (DDD, DDE, DDT, Dieldrin, Chlordane, Lindan, Endrin, Heptachlor epoxide), Các hợp chất Hydrocacbon thơm đa vòng - PAH (Acenaphthen, Acenaphthylen, Athracen, Benzo[a] anthracen, Benzo[e] pyren, Chryren, Dibenzo[a,h]anthracen, Fluroanthen, Fluoren, 2-Methyl naphthalen, Naphthalen,

Phenanthren, Pyren).

- Quy chuẩn áp dụng: so sánh với QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (so sánh với QCVN 43:2025/BNNMT từ ngày 14 tháng 11 năm 2025) và thực hiện theo Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT.

c) *Giám sát ảnh hưởng của hoạt động nạo vét tới chất lượng nước mặt của sông Hậu*

- Vị trí: 08 vị trí (K1 – K8) tại khu vực đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản tiếp giáp đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó (QCB). Vị trí giám sát như tại Bảng 3:

Bảng 3. Bảng tọa độ vị trí giám sát chất lượng nước mặt

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
K1	1064841,800	603173,854	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và sông Đường Cống thuộc xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải)
K2	1065173,427	600382,185	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và sông Cây Xoài thuộc xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải)
K3	1065435,785	598400,568	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và kênh La Bang thuộc xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải)
K4	1064731,522	596604,110	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và tuyến kênh thuộc ấp Vũng Tàu, ấp Cái Cỏ, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải)
K5	1064482,867	593040,458	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và rạch Bàu Xấu, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải)
K6	1063696,361	591929,197	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và kênh Xẻo Bọng thuộc ấp Xẻo Bọng, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải)
K7	1063587,083	588647,469	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và sông Khoen thuộc ấp Lộ Sỏi A, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải (điểm phà Láng Sắt)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiều 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
K8	1062799,763	586594,238	Điểm đầu tuyến kênh lấy nước nuôi thủy sản (Điểm giao nhau giữa kênh QCB và tuyến kênh thuộc ấp Giồng Bàn, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải)

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, Tổng dầu mỡ. Trong trường hợp phát hiện kim loại nặng trong mẫu trầm tích nạo vét, giám sát bổ sung các thông số sau: As, Cd, Pb, Hg, Cu, Zn, Cr⁶⁺.

- Tần suất giám sát: 02 tuần/lần trong quá trình thi công.

- Số lượng: 02 mẫu/vị trí/lần quan trắc (buổi sáng, buổi chiều).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2 - mức B).

d) Giám sát ảnh hưởng do quá trình nhận chìm tới môi trường nước biển

- Vị trí: 04 vị trí. Vị trí giám sát như tại Bảng 4:

Bảng 4. Bảng tọa độ vị trí giám sát chất lượng nước biển

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiều 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
SH1	1050382,640	621643,512	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Dân Thành và khu bãi tắm Ba Động
SH2	1055604,116	620060,023	
SH3	1046341,485	617602,966	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Đông Hải
SH4	1048233,791	611853,077	

- Tại mỗi điểm quan trắc, giám sát thực hiện lấy mẫu tại 2 tầng nước: Tầng mặt và tầng đáy.

- Thông số quan trắc: pH, DO, TSS, As, Cd, Pb, Hg, Cu, Zn, CN⁻, Tổng Chromi, Aldrin, Dieldrin, Heptachlor & Heptachlorepoxyde, Tổng DDT, Tổng phenol, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất quan trắc: 01 tuần/lần. Thời gian thực hiện: từ trước khi bắt đầu nhận chìm 01 tuần, trong quá trình thực hiện nhận chìm và 01 tuần sau khi kết thúc hoạt động nhận chìm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

6.1. Trong quá trình thi công nạo vét

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường kèm theo như sau:

- Thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định hiện hành.

- Chỉ được phép triển khai nạo vét, nhận chìm theo đúng địa điểm, diện tích, chuẩn tắc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường tới toàn thể cán bộ công nhân viên tham gia thực hiện Dự án.

- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho Dự án theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ trình Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ phê duyệt trước khi thi công Dự án; lắp đặt biển cảnh báo, chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và phối hợp với cơ quan chức năng thông báo đến các chủ phương tiện vận tải thủy sử dụng tuyến luồng trong thời gian triển khai các hoạt động của Dự án. Thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công nạo vét.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn đắm và tàu thuyền, cháy, nổ, tràn dầu và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.2. Trong quá trình hoạt động nhận chìm ở biển

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường khi tiến hành hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển như sau:

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường của hoạt động nhận chìm, đảm bảo hoạt động nhận chìm không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt, nước biển khu vực nạo vét, nhận chìm của Dự án và lân cận.

- Sử dụng phương tiện và thiết bị nhận chìm phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật hỗ trợ, đảm bảo vật, chất nhận chìm ở biển không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái biển khu vực.

- Các phương tiện thực hiện việc nhận chìm phải có thiết bị tự động nhận dạng (AIS) để cơ quan nhà nước quản lý, theo dõi và hỗ trợ giám sát hoạt động vận chuyển, nhận chìm vật, chất nạo vét theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát chặt chẽ quá trình nhận chìm, chất lượng nước biển khu vực nhận chìm và lân cận, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong hồ sơ cấp phép nhận chìm và giao khu vực biển, đảm bảo nguyên tắc sau: Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát 24/24 giờ đối với từng phương tiện tham gia nhận chìm vật, chất nạo vét của nhà thầu; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước giám sát hành trình thông qua thiết bị tự động nhận dạng (AIS) trong thời gian nạo vét, vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét.

- Chủ dự án và tổ chức, cá nhân đã thực hiện tính toán mô hình dự báo lan truyền vật chất nhận chìm chịu trách nhiệm về số liệu và kết quả tính toán, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo ĐTM. Trong quá trình nạo vét, nhận chìm vật chất nạo vét nếu phát hiện thấy những dấu hiệu ô nhiễm bất thường thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và báo cáo kịp thời về các cơ quan quản lý chức năng để xem xét, giải quyết./.